

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 22/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q T

Địa chỉ: Tầng (Tầng Trệt) và Tầng 2 Tòa nhà N, Số 111A Pasteur, Phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ KHCN

(Căn cứ Giấy ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng T.

Bà Trần Thị Thu H ủy quyền cho ông Nguyễn Duy C – cán bộ Ngân hàng T tham gia tố tụng tại Tòa án.

Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà M, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

***Bị đơn:** Ông Bùi Đình H - Sinh năm 1981

Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn Th. L, xã Ng. L, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về số tiền nợ:** Ông Bùi Đình H, bà Nguyễn Thị B công nhận còn nợ Ngân hàng TMCP QT theo Hợp đồng tín dụng số 423CN1879/HĐTD/VIB.2018 ngày 29/03/2018 và Hợp đồng tín dụng số 423CN1880/HĐTD/VIB.2018 ngày 29/03/2018. Số tiền tính đến ngày 03/8/2020 **cụ thể:**

*Hợp đồng tín dụng số 423CN1879/HĐTD/VIB.2018 ngày 29/03/2018.:
Nợ gốc: 400.000.000đ; Nợ tiền lãi: 59.447.747đ; **Cộng:** 459. 447.747đ.

*Hợp đồng tín dụng số 423CN1880/HĐTD/VIB.2018 ngày 29/03/2018:
Nợ gốc: 278.227.210đ; Nợ tiền lãi : 47.105.009đ; **Cộng:** 325.332.219đ.

Tổng cộng = 784.779.966 đồng. (*Bảy trăm tám tư triệu, bảy trăm bảy chín nghìn, chín trăm sáu sáu đồng*)

*** Về thời gian trả nợ:** Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật chậm nhất đến ngày 10/10/2020 bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Đình H phải thanh toán hết toàn bộ số tiền nêu trên bằng một lần cho Ngân hàng .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (04/8/2020), bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Đình H còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 423CN1879/HĐTD/VIB.2018 ngày 29/03/2018 và Hợp đồng tín dụng số 423CN1880/HĐTD/VIB.2018 ngày 29/03/2018 tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả nợ xong toàn bộ khoản nợ.

*** Về xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án:**

Trường hợp đến hạn ngày 10/10/2020 bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Đình H không trả nợ toàn bộ số tiền nợ như đã cam kết, thì ngân hàng , có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng, tài sản thế chấp gồm:

“Quyền sử dụng 48 m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 187, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ: Thôn Th. L, xã Ng L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ451420; số vào sổ cấp GCN: CH00469 do UBND huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa cấp này 15/04/2011 đứng tên hộ ông Bùi Đình H và bà Nguyễn Thị B”. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (*Tài sản trên đất gồm: 01 nhà , 01 tầng, cấp 4 = 40m², xây dựng năm 2006, kết cấu công trình, khung cột chịu lực BTCT, tường xây gạch dày 110, mái đổ BTCT*). Số 423CN1879/2018/BĐ ngày 29/3/2028, đã được Công chứng, chứng thực tại

Văn phòng Công chứng Thuận Thiên, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***Về án phí:** Ngân hàng và bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Đình H thỏa thuận bà B và ông H nộp toàn bộ số tiền 17.695.599đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền 18.128.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp, theo biên lai thu số: AA/2019/0007905 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hậu Lộc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Chuyên